

**CÔNG TY TNHH MTV VẢI SỢI MAY MẶC  
MIỀN BẮC II**

**Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012  
đến ngày 30/09/2012

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II là Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000132 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, thay đổi địa chỉ doanh nghiệp, thay đổi về mã số doanh nghiệp đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chuẩn y tại các giấy phép đăng ký thay đổi từ lần 01 đến lần 06 ngày 13/03/2012, theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi thành mã số doanh nghiệp số 0100108127 - 003 từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 06/01/2010.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (chi tiết mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt);
- Bán buôn đồ uống (chi tiết mua bán nước giải khát không kinh doanh dịch vụ ăn uống); bán buôn đồ uống có cồn, rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (chi tiết kinh doanh nhà hàng ăn uống);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ đồ uống có cồn, rượu, bia).

Công ty có trụ sở tại số 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                    |                              |
|--------------------|------------------------------|
| - Ông Vũ Văn Thiều | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
|--------------------|------------------------------|

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                        |              |
|------------------------|--------------|
| - Ông Vũ Văn Thiều     | Giám đốc     |
| - Bà Lưu Kim Phụng     | Phó Giám đốc |
| - Ông Lê Văn Gia       | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Công Danh | Phó Giám đốc |

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU KỶ KẾ TOÁN

Công ty đang có dự định bán toàn bộ doanh nghiệp sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính. Tuy nhiên đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 của Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II.

## CÔNG TY TNHH MTV VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC II

Địa chỉ: 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/09/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012.

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2012

Đại diện cho Ban Giám đốc



LÊ VĂN GIA

Phó Giám đốc

Số: 314/2012/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV vải sợi may mặc miền Bắc II  
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MTV VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC II**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 của Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 được lập ngày 09/11/2012 từ trang 05 đến trang 19 đính kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II tại ngày 30/09/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Ngoài ra, không nhằm phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo kiểm toán rằng khoản chi phí đền bù thiệt hại do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh trước hạn với bà Nguyễn Thị Mỹ Dung với số tiền là 1.397.827.000 đồng đang được ghi nhận trên tài khoản Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh của đơn vị khi đơn vị thực hiện bán doanh nghiệp.*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO**



**NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0445/KTV

*Trang*

**NGUYỄN QUỲNH TRANG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1469/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.436.957.008</b>	<b>4.803.783.338</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>1.215.172.799</b>	<b>962.487.379</b>
1. Tiền	111		415.172.799	162.487.379
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.403.100.415</b>	<b>2.133.240.278</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.258.113.769	2.068.253.632
2. Trả trước cho người bán	132		80.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		64.986.646	64.986.646
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.2	<b>1.798.165.363</b>	<b>1.691.435.036</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.798.165.363	1.691.435.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.518.431</b>	<b>16.620.645</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.102.214
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.3	10.518.431	10.518.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.403.909.944</b>	<b>15.552.096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.082.944</b>	<b>15.552.096</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	6.082.944	15.552.096
- Nguyên giá	222		1.186.464.581	1.186.464.581
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.180.381.637)	(1.170.912.485)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.397.827.000</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.397.827.000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.840.866.952</b>	<b>4.819.335.434</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.363.481.125</b>	<b>2.089.431.932</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.349.897.125</b>	<b>2.075.847.932</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		1.801.175.819	2.069.598.282
3. Người mua trả tiền trước	313		113.873.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	27.920.040	-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.7	1.406.928.266	6.249.650
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.584.000</b>	<b>13.584.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		13.584.000	13.584.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.477.385.827</b>	<b>2.729.903.502</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.8	<b>2.477.385.827</b>	<b>2.729.903.502</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.729.439.590	2.729.439.590
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(252.053.763)	463.912
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.840.866.952</b>	<b>4.819.335.434</b>

CÔNG TY TNHH MTV VẢI SỢI MÂY MẶC MIỀN BẮC II  
Địa chỉ: 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính  
từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	30/09/2012	31/12/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.1	69,76	69,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**LƯU KIM PHỤNG**  
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2012



**LÊ VĂN GIA**  
Phó Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.9	7.559.817.935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.9	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.9</b>	<b>7.559.817.935</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.10	6.446.262.042
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.113.555.893</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.11	71.712.176
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		898.048.853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		539.736.891
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(252.517.675)</b>
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(252.517.675)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(252.517.675)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2012



**LƯU KIM PHỤNG**  
Kế toán trưởng



**LÊ VĂN GIA**  
Phó Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC II  
Địa chỉ: 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính  
từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9.239.812.593
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(8.666.743.861)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(261.942.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	50.186.254
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(180.339.242)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>180.973.244</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.712.176
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>71.712.176</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>252.685.420</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>962.487.379</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.215.172.799</b>

Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2012



LƯU KIM PHỤNG  
Kế toán trưởng



LÊ VĂN GIA  
Phó Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH một thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II là Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000132 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2005. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, thay đổi địa chỉ doanh nghiệp, thay đổi về mã số doanh nghiệp đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chuẩn y tại các giấy phép đăng ký thay đổi từ lần 01 đến lần 06 ngày 13/03/2012, theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi thành mã số doanh nghiệp số 0100108127 - 003 từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 06/01/2010.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (chi tiết mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), chi tiết sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan tại trụ sở);
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (chi tiết sản xuất sản phẩm dệt trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan tại trụ sở);
- Bán buôn các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết mua bán vật tư và thiết bị ngành dệt may, máy móc ngành công nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết mua bán sản phẩm ngành da - giả da);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết mua bán sản phẩm giấy, cao su);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất);
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết mua bán thủy hải sản không gây ô nhiễm môi trường);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ tre, gỗ, nứa) và động vật sống (chi tiết mua bán nông - lâm sản, bán buôn thuốc lá);
- Bán buôn đồ uống (chi tiết mua bán nước giải khát không kinh doanh dịch vụ ăn uống); bán buôn đồ uống có cồn, rượu, bia;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê nhà xưởng, kho bãi);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (chi tiết kinh doanh nhà hàng ăn uống);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết mua bán xe ô tô);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ đồ uống có cồn, rượu, bia);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ (chi tiết bán lẻ thuốc).

Công ty có trụ sở tại số 51 Trương Quốc Dung, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/09/2012, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 28 người, trong đó cán bộ quản lý là 06 người.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo).

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chứng từ.

**Niên độ kế toán của Công ty:** Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đồng tiền hạch toán:** Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

### III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*

Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:*

Thực tế đích danh.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Khung khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
Phương tiện vận tải	08 năm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận là phần vốn Công ty cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc đã góp vào Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2012 là số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán các loại vải được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho và kinh doanh nhà hàng ăn uống được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Thuế

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/09/2012	31/12/2011
Tiền mặt tại quỹ	(i)	155.180.441	104.073.422
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	259.992.358	58.413.957
Tiền đang chuyển		-	-
Các khoản tương đương tiền	(iii)	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.215.172.799</b>	<b>962.487.379</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/09/2012 bao gồm:

	VND
+ Văn phòng công ty	77.708.642
+ Cửa hàng Paloma	77.471.799
<b>Cộng</b>	<b>155.180.441</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/09/2012 bao gồm:

	USD	VND
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND)	-	256.368.101
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (USD)	69,76	1.263.727
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – CN Phú Nhuận	-	2.360.530
<b>Cộng</b>	<b>69,76</b>	<b>259.992.358</b>

(iii) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng TMCP Quân Đội, với mức lãi suất 9%/năm.

#### 2. Hàng tồn kho

	30/09/2012	31/12/2011
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	-	-
Công cụ dụng cụ trong kho	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm tồn kho	-	-
Hàng hoá tồn kho	1.798.165.363	1.691.435.036
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
<b>Tổng giá trị của hàng tồn kho</b>	<b>1.798.165.363</b>	<b>1.691.435.036</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>	<b>1.798.165.363</b>	<b>1.691.435.036</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/09/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.518.431	10.518.431
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.518.431</b>	<b>10.518.431</b>

#### 4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	641.932.200	544.532.381	1.186.464.581
Mua trong kỳ	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>641.932.200</b>	<b>544.532.381</b>	<b>1.186.464.581</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	626.380.104	544.532.381	1.170.912.485
Khấu hao trong kỳ	9.469.152	-	9.469.152
Tăng khác	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>635.849.256</b>	<b>544.532.381</b>	<b>1.180.381.637</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	15.552.096	-	15.552.096
Tại ngày 30/09/2012	6.082.944	-	6.082.944

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 619.464.581 đồng

#### 5. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2012	31/12/2011
Chi phí đền bù thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trước hạn (*)	1.397.827.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.397.827.000</b>	<b>-</b>

(\*): Đây là khoản bồi thường thiệt hại phải trả do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 03/03/2010 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - chủ cửa hàng cafe Paloma theo báo cáo thẩm định giá trị đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng thương mại miền Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2012	31/12/2011
Thuế giá trị gia tăng	27.920.040	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.920.040</b>	<b>-</b>

#### 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2012	31/12/2011
Kinh phí công đoàn	5.177.626	3.188.776
Bảo hiểm xã hội	3.923.640	3.060.874
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác (*)	1.397.827.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.406.928.266</b>	<b>6.249.650</b>

(\*): Đây là khoản bồi thường thiệt hại phải trả do chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 03/03/2010 giữa Công ty và bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - chủ cửa hàng cafe Paloma theo báo cáo thẩm định giá trị đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng thương mại miền Nam.

#### 8. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.729.439.590	135.274.714	2.864.714.304
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	463.912	463.912
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	(135.274.714)	(135.274.714)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>2.729.439.590</b>	<b>463.912</b>	<b>2.729.903.502</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	(252.517.675)	(252.517.675)
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/09/2012</b>	<b>2.729.439.590</b>	<b>(252.053.763)</b>	<b>2.477.385.827</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2012	31/12/2011
Vốn góp của Công ty CP Vải sợi MM miền Bắc	2.729.439.590	2.729.439.590
Vốn góp của đối tượng khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>2.729.439.590</b>	<b>2.729.439.590</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	2.729.439.590
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.729.439.590
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

#### 9. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.559.817.935</b>
<i>Trong đó:</i>	
Doanh thu bán hàng	5.575.502.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.984.315.273
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>
Chiết khấu thương mại	-
Giảm giá hàng bán	-
Hàng bán bị trả lại	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-
Thuế xuất khẩu	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.559.817.935</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	5.575.502.662
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.984.315.273

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 10. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
Giá vốn hàng hoá đã bán	5.566.802.334
Giá vốn thành phẩm đã bán	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	879.459.708
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
<b>Cộng</b>	<b>6.446.262.042</b>

#### 11. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.712.176
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Lãi bán ngoại tệ	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Lãi bán hàng trả chậm	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-
<b>Cộng</b>	<b>71.712.176</b>

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ tài chính từ 01/01/2012 đến 30/09/2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.446.262.042
Chi phí nhân công	649.570.292
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.469.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	729.948.482
Chi phí khác bằng tiền	48.797.818
<b>Cộng</b>	<b>7.884.047.786</b>

